

## VỀ THÀNH PHẦN TỪ VỰNG ĐƯỢC CHỌN ĐỂ GIẢNG DẠY TRONG SÁCH GIÁO KHOA HIỆN HÀNH

Nguyễn Tinh<sup>(\*)</sup>

1. Vấn đề dạy-học ngoại ngữ, như chúng ta đều biết, ngày càng mang tính thực hành giao tiếp cao. Nhiệm vụ của nó là yêu cầu người học phải nắm ngoại ngữ một cách tích cực nhằm mục đích giao tiếp. Việc giao tiếp bằng ngoại ngữ dưới nhiều hình thức khác nhau chỉ có thể thực hiện được khi ta có một lượng từ nhất định và có kỹ năng sử dụng vốn từ đã được học một cách hiệu quả. Trong giao tiếp nếu không nắm được từ, người tiếp nhận thông tin sẽ không hiểu hết, thậm chí hiểu sai lệch ý của người phát. Còn bản thân người phát thì lại khó làm cho người nhận hiểu được ý của mình. Cùng với những non yếu về ngữ pháp, những non yếu trong việc hiểu biết và sử dụng từ ngữ làm cho việc giao tiếp gặp nhiều khó khăn và không đạt hiệu quả. Như vậy, để phát huy chức năng công cụ giao tiếp của ngôn ngữ, người học nhất thiết phải hiểu được từ, có khả năng huy động và sử dụng được từ. Điều này chứng tỏ việc dạy-học từ vựng đóng vai trò hết sức quan trọng trong chương trình dạy ngoại ngữ. Mặt khác, việc lĩnh hội từ vựng thường gặp rất nhiều khó

khăn. Thực tế đã chỉ ra rằng tính hệ thống trong từ vựng là hiện tượng phức tạp nhất trong kết cấu ngôn ngữ vì rất khó có thể hệ thống hóa toàn bộ từ vựng. Hơn thế nữa, là đơn vị cơ sở, đơn vị cơ bản của ngôn ngữ, từ cũng là một hiện tượng rất phức tạp, đa dạng, đa diện, có tính tổng hợp cao, là hiện tượng độc đáo, xét về số lượng chức năng nó thực hiện trong ngôn ngữ. Trong từ có nhiều vấn đề rất khác nhau của ngôn ngữ đan chéo vào nhau đó là ngữ âm, hình thái học, từ vựng-cú pháp, xã hội-dân tộc học và dân tộc học. Đó là chưa kể từ còn là đối tượng của lôgic học, tâm lý học, triết học, v.v...

Ngoài ra, như chúng ta đều biết, từ vựng là một hệ thống mở rất khó quan sát vì số lượng, đơn vị giảng dạy ở cấp độ từ vựng, trên thực tế là vô hạn, nó bằng số lượng của từ hay thậm chí còn lớn hơn nữa, tức là bằng số nghĩa của từ mà phần lớn từ trong ngôn ngữ là từ đa nghĩa. Do đó người học không thể nắm được tất cả vốn từ của một ngôn ngữ. Để việc dạy-học từ vựng đạt hiệu quả cao, theo chúng tôi, trước tiên cần phải chú trọng đến việc biên soạn sách giáo khoa,

<sup>(\*)</sup> TS., Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

đặc biệt là việc lựa chọn ngữ liệu từ vựng để đưa vào giảng dạy trong các sách giáo khoa. Việc này đòi hỏi các nhà biên soạn sách giáo khoa phải giới hạn và điều chỉnh lượng từ vựng sao cho hợp lý. Bởi vì toàn bộ các công việc như lựa chọn thủ thuật ngữ nghĩa hóa từ vựng, lựa chọn loại bài tập và hình thức luyện tập, v.v... đều phụ thuộc vào vấn đề từ nào được chọn để dạy và học. Và cũng chính vì thế mà trong phạm vi bài viết này chúng tôi muốn đề cập đến một trong những vấn đề hết sức quan trọng trong việc dạy ngoại ngữ nói chung và việc dạy từ vựng nói riêng, đó là vấn đề lựa chọn thành phần từ vựng để đưa vào giảng dạy trong các sách giáo khoa.

**2.** Hiện nay, theo ý kiến của một số nhà nghiên cứu về sách giáo khoa việc lựa chọn ngữ liệu từ vựng đưa vào giảng dạy trong các sách giáo khoa chủ yếu là dựa vào trực giác và biệt lập với việc xác định lượng từ vựng tối thiểu cho từng giai đoạn tương ứng. Kết quả là thành phần từ vựng được đưa vào giảng dạy không ăn khớp với lượng từ vựng tối thiểu được đề xuất cho từng giai đoạn tương ứng. Sở dĩ có tình trạng này là vì việc lựa chọn thành phần từ vựng đưa vào sách giáo khoa và việc xây dựng, đề xuất lượng từ vựng tối thiểu cho giai đoạn tương ứng là hai quy trình khác nhau. Sự khác nhau cơ bản giữa chúng thể hiện ở chỗ, đối với những người xây dựng và đề xuất lượng từ vựng tối thiểu, từ được xét dưới góc độ ngôn ngữ, trong khi đó, đối với những người biên soạn sách giáo khoa, từ được xét dưới góc độ lời nói. Những người đề xuất lượng từ vựng tối thiểu thường bị

chi phối bởi các tiêu chí như tần số sử dụng, giá trị về mặt chủ đề, tính không bị hạn chế về mặt văn phong... mà không quan tâm nhiều đến vấn đề liệu các từ này có giúp cho người học xây dựng được một văn bản bằng tiếng nước ngoài một cách tự nhiên hay không. Còn đối với những người biên soạn sách giáo khoa, điều quan trọng, theo họ, không phải là các tiêu chí vừa nêu trên được hiểu một cách trừu tượng, mà là việc các từ được chọn để đưa vào các mẫu câu, các bài đọc... trong sách giáo khoa có thích đáng và hợp lý hay không, xét từ góc độ phương pháp dạy ngoại ngữ.

Từ những trình bày trên đây cho phép khẳng định rằng, sự trùng khớp hoàn toàn giữa lượng từ có được theo cách tiếp cận từ góc độ từ riêng lẻ và lượng từ có được theo cách tiếp cận văn bản, chỉ có thể xảy ra trên lý thuyết, còn trong thực tế thì không thể, mặc dù có thể giả định rằng phần lớn thành phần từ vựng được đưa vào sách giáo khoa là trùng khớp với lượng từ vựng tối thiểu được đề xuất theo giai đoạn tương ứng. Mặt khác, nếu như bản thân sự bất tương xứng nêu trên là một hiện tượng có tính quy luật đi nữa thì điều đó không có nghĩa là sự bất tương xứng này là không quan trọng, xét trên quan điểm giáo học pháp, nhất là khi sự chênh lệch này đáng kể. Ngược lại cần phải có thái độ đúng đắn đối với việc này, nghĩa là cần phải xem mọi trường hợp vượt ra ngoài khuôn khổ của lượng từ vựng tối thiểu đã được quy định cho từng giai đoạn tương ứng không phải là hiển nhiên. Như vậy vấn đề không phải là ở

chỗ làm thế nào để triệt tiêu hoàn toàn khoảng cách giữa thành phần từ vựng được đưa vào trong các sách giáo khoa và lượng từ vựng tối thiểu được đề xuất cho các giai đoạn tương ứng, mà là cần phải nhận thức vấn đề này một cách thấu đáo, từ góc độ giáo học pháp, để từ đó tìm cách rút ngắn khoảng cách trên một cách khoa học và hợp lý. Để làm được điều này, theo chúng tôi, khi tiến hành lựa chọn thành phần từ vựng đưa vào giảng dạy trong các sách giáo khoa, các nhà biên soạn, một mặt, cần phải tính đến các đặc thù của chính bản thân sách giáo khoa, mặt khác, cần phải loại trừ mọi trường hợp ngẫu nhiên trong quá trình lựa chọn. Điều này đòi hỏi phải có một phương pháp tiến hành thích hợp. Theo chúng tôi, có thể tiến hành việc lựa chọn từ vựng qua hai bước: Bước đầu là bước lựa chọn từ vựng theo cảnh huống tự nhiên, còn bước tiếp theo là bước lựa chọn từ vựng có sự điều chỉnh của phương pháp dạy tiếng.

Đối với bước thứ nhất, việc lựa chọn từ vựng mang tính trực giác, tức là dựa trên các mẫu hội thoại hay các tư liệu học tập khác. Theo đó các từ được lựa chọn phải là các từ, thứ nhất, tạo cho các mẫu hội thoại có tính tự nhiên cao nhất, thứ hai, được các nhà biên soạn đánh giá là vừa thông dụng lại vừa quan trọng về mặt chủ đề. Kết quả lựa chọn của bước này là các từ được chọn thông qua việc chọn và trích dẫn các đoạn văn đưa vào sách giáo khoa. Dễ dàng nhận thấy rằng, bước lựa chọn này liên quan trực tiếp đến văn bản, vì đối tượng trực tiếp để

chọn không phải là các từ riêng lẻ mà là các đoạn văn.

Bước tiếp theo, trên quan điểm tính hợp lý về mặt ngôn ngữ học và giáo học pháp, tiến hành phân tích nhiều mặt lượng từ đã được chọn. Các mặt phối hợp cơ bản cho việc phân tích này có thể là: ngôn ngữ học, giáo học pháp và tâm lý học.

- Đối với ngôn ngữ học, từ vựng phải được kiểm tra về tính đầy đủ trong các mối quan hệ về ngữ âm và ngữ pháp. Xác định và gạt bỏ các yếu tố không cần thiết, dư thừa, xét từ góc độ các phạm trù lôgic-từ vựng. Điều chỉnh và đảm bảo sao cho từ vựng được chọn phải phù hợp với các dẫn liệu khách quan về tính thông dụng của các từ này trong giao tiếp.

- Đối với giáo học pháp, cần phải bảo đảm sự cần thiết được lặp lại của từ vựng, giá trị về mặt đất nước học v.v...

- Đối với tâm lý học, từ vựng được chọn cần phải tính đến đặc điểm tâm lý của người học. Điều này hầu như chưa được quan tâm đúng mức trong quá trình lựa chọn và xây dựng lượng từ vựng tối thiểu theo kiểu truyền thống và chính điều này đã làm giảm bớt hứng thú của người học và cũng chính vì thế mà ảnh hưởng đến kết quả lĩnh hội từ vựng của họ.

Ở đây chúng tôi cũng xin đề cập đến một vấn đề cần được lưu ý đó là vấn đề đưa vào sách giáo khoa những đơn vị từ vựng được các nhà chuyên môn gọi là các từ "bất ngờ" hay "dị thường". Qua phân tích các bảng từ vựng được xem là tốt

nhất trong các sách giáo khoa chúng tôi thấy rằng có nhiều từ vượt ra xa ngoài khuôn khổ của lượng từ vựng tối thiểu. Nhưng thực tế cho thấy chính những từ này đã góp phần làm cho các bài đọc, các mẫu hội thoại... giảm bớt tính đơn điệu. Do đó có thể cho rằng những từ này (tất nhiên chỉ giới hạn ở mức cho phép) không những được phép tồn tại mà còn cần thiết đối với các sách giáo khoa được biên soạn theo định hướng giao tiếp.

Mặc dù chưa được đầy đủ và chi tiết, song chúng tôi cho rằng với cách làm như trên chắc chắn sẽ góp phần rút ngắn khoảng cách giữa thành phần từ vựng được đưa vào sách giáo khoa và lượng từ vựng tối thiểu được đề xuất cho giai đoạn tương ứng.

**3.** Từ những trình bày trên đây chúng tôi rút ra mấy nhận xét sau:

- Sự không ăn khớp giữa thành phần từ vựng được đưa vào sách giáo khoa

hiện hành và lượng từ vựng tối thiểu được đề xuất cho giai đoạn tương ứng theo truyền thống là một thực tế và đây cũng là điều tất yếu. Bởi vì, như chúng tôi đã trình bày ở trên, đây là hai quy trình khác nhau. Sự khác nhau giữa chúng là sự khác nhau về cách tiếp cận với từ (từ góc độ từ hay từ góc độ văn bản).

- Khoảng cách giữa thành phần từ vựng được đưa vào giảng dạy trong các sách giáo khoa hiện hành và lượng từ vựng tối thiểu được đề xuất cho giai đoạn tương ứng theo truyền thống chỉ có thể rút ngắn chứ không thể triệt tiêu hoàn toàn.

- Để rút ngắn khoảng cách này cần phải có một giải pháp trung hòa bằng cách tiến hành lựa chọn ngữ liệu từ vựng để giảng dạy theo hai bước: Bước đầu từ vựng được lựa chọn theo cảnh huống tự nhiên và bước tiếp theo phải có sự điều chỉnh của phương pháp dạy tiếng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Баранов М. Т. *Методика лексики и Фразеологии на уроках русского языка* (Пособие для учителя), Изд. Просвещение, М, 1988.
2. Кочнева Е. М. - Эра Н. П. *О формировании лексического состава учебников русского языка для иностранцев*, Русский язык за рубежом, Номер 4, 1987.
3. Лейчик В. М. *Специфика восприятия речи на слух в процессах изучения и освоения русского языка как иностранного*, Русский язык за рубежом, Номер 4, 2004.
4. Леотьев А. А. - Королева Т. А. *Методика* (Зарубежному преподавателю русского языка), Изд. Русский язык, М., 1977.
5. *Từ điển giáo khoa Nga-Việt*, (Bùi Hiến-chủ biên), NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.

## CHOOSING VOCABULARY COMPONENTS TO TEACH IN CURRENT TEXTBOOKS

**Dr. Nguyen Tinh**

*College of Education - Hue University*

The paper aims to bring out some matters concerning the teaching and learning vocabulary at departments or colleges of foreign languages at the present time. The received results of research on current textbooks show that the vocabulary component in these textbooks do not match with the composition of the minimum lexicon proposed by traditional textbook-designers. This means that there is a gap between them. It can be said that, this gap is inevitable, but it might be reduced in a certain measure. In order to diminish the gap mentioned above we suggest that, the vocabulary should be carefully analyzed. The analysis can be done in such aspects as linguistics, methodology and psychology.